TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 01- 2024
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM BÌNH, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Đức Quỳnh;

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ma Công Đăng;

- Bà Tạ Vân Anh;

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Ma Thị Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang;

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên toà:*** Ông Nguyễn Việt Hưng - Kiểm sát viên;

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 72/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Nguyễn Thị P**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn: **Anh Vũ Hữu T**, sinh năm 1971;

Địa chỉ: Tổ dân phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Vắng mặt, đã được triệu tập hợp lệ 02 lần.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Vũ Hữu T có đăng ký kết hôn với nhau ngày 12/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn L), huyện L, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ dân phố N, thị trấn L, huyện L. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến đầu năm 2017 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Anh T không chịu khó làm ăn, thường xuyên đánh chửi chị,

mang tài sản trong nhà đi bán để tiêu xài cá nhân, bản thân anh T nghiện ma túy, thường xuyên vi phạm pháp luật, phải đi chấp hành án phạt tù khiến vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Vợ chồng đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Chị P xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với nhau được, đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15/7/2012. Khi ly hôn chị P đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ: Chị P xác định, chị và anh T không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Vũ Hữu T: Từ khi Tòa án thụ lý vụ án, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tại phiên tòa, Tòa án đã niêm yết, tống đạt tất cả các văn bản tố tụng nhưng anh Vũ Hữu T đều vắng mặt không có lý do.

Chị Nguyễn Thị P vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến, quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết tại Tòa án và không thay đổi, bổ sung gì.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

** Về tố tụng:* Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về việc " *Kiện xin ly hôn"* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên toà sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật. Bị đơn không thực hiện đúng quy định về quyền nghĩa vụ của bị đơn quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14, đề nghị giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Vũ Hữu T.
- Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15/7/2012 cho chị

Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Anh Vũ Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, có quyền đề nghị thay đổi người nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị P phải chịu án phí theo quy định pháp luật. Anh T không phải chịu án phí.

- Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị P khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình giải quyết việc ly hôn đối với anh Vũ Hữu T. Anh Vũ Hữu T có hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về việc *"Ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lâm Bình.

Qua xác minh tại địa phương, xác định bị đơn anh Vũ Hữu T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố N, thị trấn L nhưng từ đầu tháng 9 năm 2023 đến nay anh T không có mặt ở địa phương, không khai báo tạm trú, tạm vắng, không cung cấp địa chỉ cư trú mới hoặc nơi làm việc nên địa phương không xác định được địa chỉ hiện tại của anh T. Như vậy, xác định anh T đã cố tình giấu địa chỉ. Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, nhưng anh T không đến Toà án làm việc. Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng không có mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị P và anh Vũ Hữu T có đăng ký kết hôn ngày 12/01/2012 tại Ủy ban nhân dân xã L (nay là thị trấn L), huyện L, tỉnh Tuyên Quang trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Như vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh T là hợp pháp.

Căn cứ lời khai của đương sự, kết quả xác minh tại tổ dân phố Nà Mèn và Công an thị trấn L thấy rằng: Quá trình chung sống, chị P và anh T đã phát sinh

nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do: Tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, anh T không chịu khó làm ăn, vợ chồng sống không tin tưởng nhau, thường xuyên cãi chửi nhau, đã sống ly thân từ cuối năm 2017 đến nay, không còn quan tâm gì đến nhau. Như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị P và anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị P, xử cho chị P được ly hôn với anh T.

- Về con chung: Chị P và anh T có 01 con chung là cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15/7/2012.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị P đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cháu Vũ Thị Khánh L hiện nay phát triển bình thường, đang học tại Trường tiểu học Tổ dân phố B, thị trấn L, từ khi ly thân là năm 2017 đến nay, chị P là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu L. Anh T thường xuyên vắng mặt tại địa phương, không chu cấp gì cho con. Chị P có thu nhập ổn định, mặt khác cháu L có nguyện vọng được ở với mẹ, để đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con chung, cần giao cháu L cho chị P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi đủ 18 (mười tám) tuổi là phù hợp và có căn cứ. Chị P không yêu cầu về cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con mà không ai được cản trở, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Chị P xác định không có tài sản chung, không vay nợ ai, không cho ai vay nợ, không đề nghị giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định, anh T không phải chịu án phí.

[4] Về quyền kháng cáo: Chị P và anh T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 235, 238, 254, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 54, 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị P được ly hôn với anh Vũ Hữu T.

2. Về con chung: Giao cháu Vũ Thị Khánh L, sinh ngày 15/7/2012 cho chị Nguyễn Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh Vũ Hữu T không phải cấp dưỡng nuôi con chung, có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở, có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị P phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp là 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0001646 ngày 11/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lâm Bình, tỉnh Tuyên Quang. Chị P đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị P, bị đơn anh Vũ Hữu T đều vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Lâm Bình;
- Chi cục THADS huyện Lâm Bình;
- UBND thị trấn L (để ghi Sổ hộ tịch);
- Công an thị trấn L (để biết);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lý Đức Quỳnh